TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỮU LŨNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày: 02/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Tuấn.

2. Ông Vy Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Đàm Thành - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai, lưu động vụ án hình sự thụ lý số: 19/2020/TLST-HS ngày 10/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33 21/2021/QĐXXST-HS ngày 19/3/2021, đối với bị cáo:

Đặng Văn T (tên gọi khác: Không có); sinh ngày 01/4/1981, tại huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn E, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Trường C (đã chết) và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1940; vợ: Lăng Thị D, sinh năm 1982; con: Có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt hành chính, không bị kỷ luật. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/11/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn cho đến nay. Có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Bế Quang H – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Quang H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt, không có lý do.

2. Anh Nguyễn Văn Dương, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân cư B, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 23/11/2020, Đặng Văn T là người thường mua và sử dụng trái phép chất ma túy, đi đến một ngôi nhà thuộc tổ dân B, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang mua ma túy để sử dụng. Đặng Văn T đưa 300.000 đồng qua lỗ thủng cửa sắt dưới nền nhà và nói "*cho 1 ngựa, 2 heroine*" thì người đàn ông trong nhà nhận tiền và đưa ra 03 đoạn ống hút có 2 đầu hàn kín bên trong đựng chất ma túy. Sau đó Đặng Văn T đi mua xi lanh, nước cất và đến công viên thuộc thị trấn K; bị cáo cắt đứt một đầu ống hút nhựa chứa Heroine, cho một phần vào xilanh và sử dụng bằng hình thức tiêm tĩnh mạch. Phần ma túy còn lại Đặng Văn T vẫn để trong ống nhựa cất giấu trong gấu quần cùng với 02 đoạn ống hút nhựa chứa ma túy, sau đó đi xe ô tô khách về xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Hồi 09h50 cùng ngày, khi Đặng Văn T đang đi bộ trên đường liên thôn thuộc thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn thì bị tổ công tác Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang; thu giữ vật chứng gồm: 03 đoạn ống hút nhựa bên trong chứa đựng chất bột màu trắng và màu đỏ; 01 xi lanh màu trắng loại 3ml/cc; 01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng.

Tại Bản giám định số 10/KL-PC09 ngày 24/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Chất cục bột màu trắng gửi giám định là chất ma túy Heroine, có tổng khối lượng 0,083gam. Chất cục bột màu đỏ gửi giám định là chất ma túy Methamphetamine, có khối lượng 0,057gam.

Tại Bản giám định số 20/KLGĐ-PC09 ngày 26/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Tờ tiền 50.000 đồng gửi giám định là tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thật.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Đặng Văn T khai nhận: Sáng ngày 23/11/2020, có Nguyễn Quang H đến nhà và cho bị cáo số tiền 400.000 đồng để bị cáo đi mua ma túy về sử dụng hết 350.000 đồng, còn lại 50.000 đồng không sử dụng hết. Bị cáo không yêu cầu lấy lại số tiền 50.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 09/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố Đặng Văn T về Tội tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm i, khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố Đặng Văn T phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy, 01 ống xi lanh; tịch thu xung quỹ Nhà nước số tiền 50.000 đồng.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận, nhất trí với Bản cáo trạng truy tố và đề nghị luận tội về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng. Tuy nhiên do bị cáo là thành viên hộ cận nghèo, thuộc diện trợ giúp pháp lý, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 để áp dụng mức hình phạt bằng khởi điểm mức đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không có ý kiến bổ sung lời bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa bởi đặc điểm nhân thân bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo không phải là tình tiết giảm nhẹ hơn nữa bị cáo đã được hưởng trợ giúp pháp lý.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo có cơ hội sớm trở lại làm công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hữu Lũng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong khi họ đã có lời khai tại hồ sơ, không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Tại phiên tòa Đặng Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, các kết luận giám định, đồng thời hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định: Sáng ngày 23/11/2020, Đặng Văn T đã đi tìm mua số ma túy trị giá 300.000 đồng để sử dụng; đã sử dụng hết một phần, số ma túy còn lại Đặng Văn T cất giấu trong người và đi về nhà thì bị bắt quả tang, thu giữ số ma túy Heroine và Methamphetamine có tổng khối lượng 0,14 gam. Đảm bảo căn cứ kết luận bị cáo Đặng Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, Bản cáo trạng đã truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách quản lý chất cấm của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh tại địa

phương. Bị cáo là người có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy và biết việc tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; ảnh hưởng tới sức khỏe, thiệt hại về kinh tế của cá nhân và gia đình, làm suy thoái nòi giống, tàn phá phẩm giá và nhân cách của con người, đồng thời là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, nhưng để thỏa mãn nhu cầu bản thân bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

[5] Để xem xét quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét đến nhân thân và các tình tiết tặng nặng, giảm nhẹ để cá thể hóa hình phạt.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải toàn bộ hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Chưa đủ căn cứ để chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc áp dụng tình tiết bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo làm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bởi, đây là tình tiết mang tính nhân thân của bị cáo, do bị cáo lệ thuộc chất ma túy, không chú trọng lao động, kiếm sống, phát triển kinh tế gia đình nên dẫn đến gia cảnh nghèo khó, chính vì vậy bị cáo đã được hưởng trợ giúp pháp lý của nhà nước miễn phí.

[7] Hình phạt chính: Bị cáo sử dụng ma túy trong thời gian dài (từ năm 2016) biết rõ tác hại tuy nhiên không cố gắng từ bỏ để trở thành người có ích cho xã hội mà vẫn tiếp tục có hành vi tàng trữ để sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian dài trên mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo có thời gian lao động cải tạo và tự rèn luyện tu dưỡng bản thân thành người có ích cho xã hội, đồng thời để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[8] Quan điểm đề nghị luận tội và ý kiến đối đáp của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với ý kiến tranh luận của người bào chữa là tương đối phù hợp với các nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị đảm bảo thi hành án, thuộc thành viên của hộ cận nghèo do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo

[10] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Cần tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm lưu hành và xi lanh đã qua sử dụng là công cụ sử dụng chất ma túy. Đối với số tiền 50.000 đồng theo bị cáo khai nhận được người khác cho để mua ma túy, tuy nhiên chưa dùng hết. Quá trình điều tra, bị cáo chưa đủ căn cứ chứng minh, tại phiên tòa bị cáo không đề nghị lấy lại nên cần tịch thu nộp Ngân sách nhà nước.

[11] Con người, sự việc liên quan: Đối với người đã bán ma túy cho Đặng Văn T tại ngôi nhà thuộc tổ dân B, thị trấn K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; cơ quan

điều tra đã nhiều lần xác minh nhưng chủ nhà Nguyễn Văn D không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở điều tra, làm rõ.

[12] Đối với Nguyễn Quang H: Do không có tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi đưa 400.000 đồng cho bị cáo để đi mua ma túy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ đề nghị, xem xét xử lý trong cùng vụ án này.

[13] Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[14] Đề nghị của bị cáo trong lời nói sau cùng đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi nghị án và quyết định hình phạt.

[15] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 50 của Bộ luật Hình sự;

Các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Tội danh và hình phạt.

Tuyên bố Đặng Văn T phạm Tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 23/11/2020.

2. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì thư dán kín trong đựng mẫu vật hoàn trả sau giám định bên ngoài có chữ ký cùng tên giám định viên và cán bộ giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ 01 (một) xi lanh loại 03ml/cc đã qua sử dụng.

- Tịch thu nộp ngân sách: Số tiền 50.000đ (năm mươi nghìn đồng) được lưu giữ trong phong bì đã được niêm phong.

(Chi tiết các vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 15/3/2020 giữa Công an huyện Hữu Lũng với Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn).

3. Án phí: Buộc bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000đ *(*hai trăm nghìn đồng*)* tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân T.Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân H.Hữu Lũng;
- Cơ quan điều tra Công an H.Hữu Lũng;
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an huyện H;
- Bị cáo.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Chi cục THA Dân sự H.H (Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường